

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 440/2025/DS-PT

Ngày: 08-8-2025

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
theo Luật Trách nhiệm bồi thường
của Nhà nước.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu.

Các Thẩm phán: 1. Bà Phạm Thị Thanh Giang;

2. Ông Trần Thanh Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Tây Ninh), bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 394/2025/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972;

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện T (nay là xã P), tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ trụ sở: số B A, Tỉnh lộ 827 A, khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Bùi Phú H – Chức vụ: Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 504/THADS-NV ngày 05/8/2025): Bà Nguyễn Thị L – Trưởng phòng Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2015/DSST ngày 23/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên tuyên buộc bà Trần Thị D, ông Trần Văn N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 68.000.000 đồng, lãi suất chậm trả từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án. Sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, bà làm đơn yêu cầu thi hành án và cung cấp cho Chấp hành viên thông tin tài sản của ông N1, bà D là quyền sử dụng đất diện tích 864 m², thửa đất số 433, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên (sau đây viết tắt là Chi cục Thi hành án) ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 154/QĐ-CCTHA ngày 15/02/2016 đối với ông N1, bà D. Tuy nhiên Chấp hành viên chậm xác minh, cưỡng chế kê biên tài sản dẫn đến việc bà D, ông N1 tẩu tán tài sản, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho ông Vũ Đình C, bà Tạ Kỹ T nên đến nay bà chưa được thi hành khoản tiền nào. Ngoài phần đất trên thì hiện nay ông N1, bà D không còn tài sản nào khác. Năm 2020, bà làm đơn khiếu nại Chi cục Thi hành án, ngày 04/9/2020, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên (sau đây viết tắt là Chi cục trưởng) ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 05/QĐ-CCTHADS chấp nhận khiếu nại của bà, thừa nhận việc Chấp hành viên chậm xác minh, cưỡng chế kê biên dẫn đến việc tẩu tán tài sản.

Bà N khởi kiện yêu cầu Chi cục Thi hành án bồi thường thiệt hại số tiền 68.000.000 đồng, tiền lãi mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15/02/2016 đến khi xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm bà N rút lại yêu cầu Chi cục Thi hành án trả tiền lãi, chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 68.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Chi cục Thi hành án có thụ lý và tổ chức thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 178/2015/QĐST-DS ngày 11/11/2015 và 02 Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2015/DS-ST và 73/2015/DS-ST cùng ngày 23/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chi cục trưởng đã ban hành các Quyết định thi hành án chủ động số 400/QĐ-CCTHADS ngày 18/11/2015 và số 700, 701, 702, 703/QĐ-CCTHADS ngày 29/01/2016 buộc ông Trần Văn N1, bà Trần Thị D nộp án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 02/02/2016, bà N có đơn yêu cầu thi hành án; ngày 15/02/2016, Chi cục trưởng ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 154/QĐ-CCTHADS buộc bà D, ông N1 trả cho bà N số tiền 68.000.000 đồng, tiền lãi chậm thi hành án. Hết thời tự nguyện thi hành án, vào ngày 16/6/2016, Ủy ban nhân dân xã H cung cấp thông tin ông N1, bà D có phần đất diện tích 864 m², thửa đất số 336, 337, tờ bản đồ số 33 và đã chuyển nhượng cho ông Vũ Đình C, bà Tạ Kỹ T ngày 28/4/2016; ngày 28/6/2016, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T - Chi nhánh T2 cung cấp thông tin bà D có quyền sử dụng đất diện tích 864 m² thửa 336, 337, tờ bản đồ số 33. Ngày 14/7/2016, Chấp hành viên ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên số

53/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với 02 thửa đất trên, thời gian tổ chức cưỡng chế ngày 10/8/2016.

Ngày 18/7/2016, Chi cục Thi hành án làm việc với ông Vũ Đình Chính xác Đ vợ chồng ông C, bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên của ông N1, bà D và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16/5/2016. Trước khi nhận chuyển nhượng, ông N1, bà D đã thế chấp quyền sử dụng đất này tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh huyện T2 (sau đây viết tắt là A). Vợ chồng ông giao tiền cho ông N1, bà D trả ngân hàng, lấy giấy chứng nhận và làm thủ tục chuyển nhượng.

Ngày 18/8/2016, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh T2 cung cấp thông tin do nhầm lẫn và đính chính ông N1, bà D đã chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 864 m² thửa đất số 336, 337 tờ bản đồ số 33 theo hợp đồng số 105/2016 cho ông C, bà T ngày 16/5/2016. Ngày 25/8/2016, Chấp hành viên ban hành Quyết định quyết định số 297/QĐ-CCTHADS về việc thu hồi toàn bộ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 53/QĐ-CCTHADS ngày 14/7/2016.

Ngày 16/5/2017, Chấp hành viên ban hành Quyết định số 22/QĐ-CCTHA cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất diện tích 864 m², thửa đất số 433 tờ bản đồ số 33 của ông C, bà T. Ngày 30/10/2017, A cung cấp ông N1, bà D thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên vay số tiền 130.000.000 đồng ngày 15/5/2015. Bà T đã trả nợ gốc 130.000.000 đồng, tiền lãi 11.972.639 đồng, tổng cộng 141.972.639 đồng và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp. Ngày 31/8/2018, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên thông báo thụ lý vụ án số 242/TB-TA về việc ông C, bà T yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất trên là hợp pháp.

Ông N1, bà D chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C, bà T nhưng không sử dụng toàn bộ khoản tiền thu được từ giao dịch để thi hành án, không còn tài sản khác để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Căn cứ khoản 2 Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự, Chấp hành viên đã khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên. Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DSST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên và Bản án dân sự phúc thẩm số 104/2020/DS-PT ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chấp hành viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chi cục Thi hành án không thể tiếp tục xử lý tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên của ông N1, bà D theo quy định thu hồi tiền cho bà N. Số tiền chuyển nhượng 150.000.000 đồng sau khi trừ tiền thanh toán cho A còn lại 8.027.361 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Luật Thi hành án dân sự thì số tiền còn lại này không đủ để thi hành tiền án phí dân sự sơ thẩm mà ông N1, bà D có nghĩa vụ thi hành.

Chi cục Thi hành án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bồi thường số tiền 68.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Tây Ninh), đã quyết định:

Căn cứ các Điều 5, 6, 7, 12, 13, 21, 22, 23, 52, 53 và 76 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; các Điều 44, 45, 46, 47 và 90 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; các Điều 147 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm f khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”.

Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 67.184.000 (sáu mươi bảy triệu một trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 816.000 (tám trăm mười sáu nghìn) đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh về việc yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15/02/2016 đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, Chi cục Thi hành án có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị L – Trưởng phòng Phòng Thi hành In dân sự Khu vực 11 tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo uỷ quyền của Thi hành án dân sự tỉnh T trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ

nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 26/5/2025 bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh có đơn kháng cáo; đơn kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn luật định; nội dung đơn kháng cáo hợp lệ phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại Quyết định số 1929/QĐ-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ Tư pháp về việc thành lập Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, theo đó Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh thuộc Cục Q án trên cơ sở tổ chức lại các cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và tỉnh Long An trước khi sắp xếp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh chấm dứt hoạt động kể từ ngày 01/7/2025 và được sáp nhập với 02 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu và Dương Minh C1 thành Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Tây Ninh. Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Tây Ninh là cơ quan trực thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, không có tư cách pháp nhân; do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là bị đơn.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị N là người được thi hành án khởi kiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Tây Ninh) yêu cầu bồi thường thiệt hại, căn cứ vào Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 39 và 53 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước” là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

[2.1] Tại các Bản án dân sự sơ thẩm số 72 và 73/2015/DS-ST cùng ngày 23/12/2015, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 178/2015/QĐST-DS ngày 11/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh có hiệu lực pháp luật đã quyết định buộc bà Trần Thị D và ông Trần Văn N1 có nghĩa vụ trả cho các bà Nguyễn Thị H1 số tiền 80.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị N số tiền 68.000.000 đồng bà Nguyễn Tuyết N2 số tiền 55.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án, tiền án phí dân sự. Chi cục Thi hành án đã ban hành các Quyết định thi hành án chủ động (gồm: Quyết định số 400/QĐ-CCTHA ngày 18/11/2015 và các Quyết định số 700, 701, 702, 703/QĐ-CCTHA cùng ngày 29/01/2016 đối với tiền án phí dân sự sơ thẩm); 02 Quyết

định thi hành án theo yêu cầu số 153 và 154/QĐ-CCTHADS cùng ngày 15/02/2016 về thi hành số tiền ông N1, bà D phải thi hành cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 80.000.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị N số tiền 68.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án.

[2.2] Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 104/2020/DS-PT ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh; Thông báo số 805/TB-VC3-V2 ngày 09/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thông báo số 1318/TB-TA ngày 09/8/2021 và Thông báo số 547/TB-TA ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/4/2016 giữa ông Trần Văn N1 và bà Trần Thị D với ông Vũ Đình C và bà Tạ Kỳ T đối với quyền sử dụng đất diện tích 864 m², thửa đất số 336, 337 (thửa đất mới số 433), tờ bản đồ số 33 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh là đúng quy định của pháp luật. Thủ tục thi hành án của Chi cục Thi hành án chưa đảm bảo, không tổng đạt, niêm yết quyết định thi hành cho người phải thi hành án.

[2.3] Tại Quyết định số 05/QĐ-CCTHADS ngày 04/9/2020 của Chi cục trưởng về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N; nội dung của quyết định này chấp nhận toàn bộ khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, xác định Chấp hành viên chậm xác minh, cưỡng chế kê biên tài sản của bà Trần Thị D và ông Trần Văn N1, dẫn đến để ông N1, bà D tẩu tán tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án là bà Nguyễn Thị N. Hành vi chậm xác minh điều kiện thi hành án, chậm thực hiện cưỡng chế kê biên tài sản của Chấp hành viên đã vi phạm vào các Điều 44, 45, 46 và 90 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; đây là hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ, đã trực tiếp gây thiệt hại cho nguyên đơn Nguyễn Thị N là người được thi hành án. Do đó, căn cứ vào các Điều 12 và 21 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Chi cục Thi hành án có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà N.

[2.4] Về số tiền bồi thường.

[2.4.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Chi cục Thi hành án bồi thường thiệt hại số tiền 68.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15/02/2016 đến khi xét xử sơ thẩm. Ngày 14/5/2025, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc trả tiền lãi, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi này của bà N là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[2.4.2] Chi cục Thi hành án trình bày số tiền chuyển nhượng giữa ông N1, bà D với ông C và bà T ghi trong hợp đồng là 150.000.000 đồng, đã thanh toán cho A số tiền 141.972.639 đồng (gồm tiền gốc 130.000.000 đồng và tiền lãi 11.972.639 đồng), số tiền còn lại là 8.027.361 đồng không đủ thi hành tiền án phí dân sự sơ thẩm của bà D, ông N1 phải thi hành theo các Quyết định thi hành án chủ động số 400/QĐ-CCTHA ngày 18/11/2015 và các số 700, 701, 702 và 703/QĐ-CCTHA cùng ngày 29/01/2016. Tuy nhiên, bà D, ông N1, ông C, bà T và bà Nguyễn Thị T1 (là người được bà D, ông N1 trả tiền từ nguồn bán thửa

đất duy nhất của bà D, ông N1 cho ông C, bà T) đều trình bày và thừa nhận số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D, ông N1 với ông C, bà T là 296.972.639 đồng, đã thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi cho A là 141.972.639 đồng, trả tiền nợ vay của bà T1 là 155.000.000 đồng. Việc A được thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi là 141.972.639 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; số tiền còn lại 155.000.000 đồng sẽ được xử lý theo thứ tự tiền án phí là 8.775.000 đồng (theo các Quyết định Thi hành án chủ động số 400/QĐ-CCTHA ngày 18/11/2015 và số 700, 701, 702, 703/QĐ-CCTHA cùng ngày 29/01/2016), chi phí liên quan đến việc tổ chức cưỡng chế thi hành án, các khoản phải thi hành án khác theo bản án, quyết định mà Chi cục Thi hành án đã ra quyết định và tổ chức thi hành.

[2.4.3] Đối với chi phí liên quan đến việc tổ chức thi hành án (gồm: chi phí đo đạc của Công ty TNHH MTV Đ1 số tiền 5.500.000 đồng, chi phí bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế thi hành án số tiền 850.000 đồng) tổng cộng 6.350.000 đồng, thấy rằng khi kê biên tài sản để cưỡng chế Chấp hành viên phải kê biên cưỡng chế tài sản thuộc quyền sở hữu của ông N1, bà D là người phải thi hành án, nhưng trên thực tế Chấp hành viên lại kê biên quyền sử dụng đất của ông C, bà T là không đúng quy định. Mặt khác, căn cứ vào các Điều 3 và 73 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người phải thi hành án ông N1, bà D phải chịu chi phí cưỡng chế thi hành án. Do đó, số tiền 6.350.000 đồng Chi cục Thi hành án đã chi phí không được khấu trừ vào số tiền 155.000.000 đồng.

[2.4.4] Số tiền còn lại $155.000.000 \text{ đồng} - 8.775.000 \text{ đồng} = 146.225.000 \text{ đồng}$ sẽ được thanh toán cho người được thi hành án theo các bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và Chi cục Thi hành án đã ra quyết định thi hành án. Tại thời điểm này, bà Nguyễn Tuyết N2 là người được thi hành án, tuy nhiên bà Tuyết N2 không có đơn yêu cầu thi hành án và đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án nên không được xem xét thanh toán trong số tiền này. Đối với các bà Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị H1 đã được Chi cục Thi hành án ra quyết định và tổ chức thi hành án nên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền mỗi người được thi hành án, cụ thể bà N được thanh toán số tiền $(68.000.000 \text{ đồng} \times 146.225.000 \text{ đồng}) : 148.000.000 \text{ đồng} = 67.184.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

[2.5] Do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên đã chấm dứt hoạt động và sáp nhập với 02 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu và Dương Minh C1 thành Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Tây Ninh trực thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Tây Ninh không có tư cách pháp nhân, nên Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh phải có trách nhiệm bồi thường cho bà N là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2.6] Bị đơn kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; giữ nguyên

bản án sơ thẩm.

[4] Tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm buộc bị đơn có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 67.184.000 đồng, nhưng không tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án của bị đơn là thiếu sót, cấp phúc thẩm bổ sung cho đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (nay là Toà án nhân dân Khu vực 11 – Tây Ninh)

Căn cứ các Điều 5, 6, 7, 12, 13, 21, 22, 23, 52, 53 và 76 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; các Điều 44, 45, 46, 47 và 90 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; các Điều 147, 148 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm f khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 tỉnh Tây Ninh) về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”.

Buộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 67.184.000 (sáu mươi bảy triệu một trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 816.000 (tám trăm mười sáu nghìn) đồng.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh về việc yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15/02/2016 đến khi xét xử sơ thẩm.

5. Án phí: Bà Nguyễn Thị N, Chi cục Thi hành án thuộc trường hợp không

phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004518 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng GDKT, TT&THA;
- TAND Khu vực 11-Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 11 – TN;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Ngẫu